

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30-9-2024

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hương Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đoàn Hồng Canh**

Ông **Nguyễn Thành Lâm**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Đào** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông **Đình Tiến Kiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2024/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 60/2024/QĐ – HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2014 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1971

Nơi cư trú: Khu 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh P.

Bị đơn: Ông **Đỗ Văn P**, sinh năm 1970

Nơi cư trú: Khu 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh P.

(Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt và ông P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai: Nguyên đơn là bà **Nguyễn Thị H** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông **Đỗ Văn P** có tự nguyện tìm hiểu và không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 10 năm 1991 tại Ủy ban nhân xã L, huyện T (nay là thị trấn T, huyện T), tỉnh P. (Do giấy chứng nhận kết hôn bản gốc trên đường đến nộp đơn khởi kiện tại Toà án bị rơi mất giấy chứng nhận kết hôn bản gốc nên tôi nộp bản sao trích lục kết hôn cho Toà án). Trong quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn do ông P có mối quan hệ với người khác và có con riêng, không quan tâm đến vợ con, bỏ bê gia đình và ông P

phải đi tù, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay, tôi đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Văn P có 02 con chung là:

1. Cháu Đỗ Thanh T, sinh ngày 02-8-1992
2. Cháu Đỗ Thị Như Q, sinh ngày 22-10-1994

Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn là ông Đỗ Văn P: Quá trình giải quyết Tòa án tiến hành các trình tự, thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật báo gọi ông P đến Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ làm việc, ông P đến Tòa án làm việc nhưng không viết bản tự khai và Tòa án thông báo phiên họp cho ông P nhưng ông P cố tình trốn tránh không đến Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai của ông Đỗ Văn P và không tiến hành hoà giải được vụ án.

Toà án tiến hành xác minh được UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh P cho biết: Bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Văn P là vợ chồng có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã L, huyện T (nay là thị trấn T, huyện T, tỉnh P. Sau khi cưới, cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông P hoà thuận hạnh phúc một thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Việc mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được cụ thể. Nhưng ông P vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án phạt tù nhiều năm. Vợ chồng ông P và bà H đã sống ly thân nhau nhiều năm kể từ khi ông P đi chấp hành án phạt tù. Sau khi ông P chấp hành án phạt tù xong và trở về địa phương sinh sống thì cuộc sống vợ chồng giữa ông P với bà H vẫn mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân cho đến nay. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự.

Về con chung, tài sản chung, công nợ và công sức thì do đương sự không yêu cầu giải quyết quyết nên địa phương không có ý kiến gì.

Toà án tiến hành xác minh tại Chi hội phụ nữ khu 7 thị trấn T, huyện T, tỉnh P được bà Nguyễn Thị T chi hội trưởng chi hội phụ nữ cho biết: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971 và ông Đỗ Văn P, sinh năm 1970 là công dân sinh sống ở khu 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh P. Bà H có tham gia sinh hoạt trong Chi hội phụ nữ khu 7, thị trấn T. Tuy nhiên, do bà H đi làm ăn ở Hà Nội thỉnh thoảng mới về địa phương thăm nhà và đóng các loại quỹ sinh hoạt Chi hội phụ nữ. Vì vậy, Chi hội phụ nữ và địa phương chỉ biết vợ chồng bà H và ông P không chung sống với nhau, vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng nhưng không nắm rõ mâu thuẫn cụ thể. Nay bà H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông P thì quan điểm của Chi hội phụ nữ đề nghị Tòa án giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị H để đảm bảo quyền lợi cho người phụ nữ.

Phát biểu của Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy

định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về quan hệ hôn nhân, xử cho bà H được ly hôn ông P.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Văn P có 02 con chung là:

1. Cháu Đỗ Thanh T, sinh ngày 02-8-1992
2. Cháu Đỗ Thị Như Q, sinh ngày 22-10-1994

Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Bà H không yêu cầu.

Về án phí ly hôn: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú tại khu 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh P vì vậy tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã xác minh tại Công an thị trấn Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ hiện nay ông Đỗ Văn P có hộ khẩu thường trú tại khu 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh P, ngoài ra ông P không đăng ký tạm trú, tạm vắng ở đâu. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đỗ Văn P nhưng ông P từ chối không nhận và Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ đã lập biên bản làm căn cứ tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án tại Ủy ban nhân dân thị trấn T và tại nơi cư trú khu 7, thị trấn T, huyện T và niêm yết tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, gửi các văn bản qua đường bưu điện bằng báo phát cho ông P, nhưng ông P cũng từ chối không nhận và ông P không đến Tòa án và vắng mặt phiên tòa lần 2. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ Luật tố tụng dân sự. Tòa án chỉ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 208 Bộ Luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Đỗ Văn P bằng đường bưu điện báo phát và niêm yết các văn bản tố tụng đúng trình tự quy định của bộ luật tố tụng dân sự và các quy định của pháp luật nhưng ông P vẫn từ chối không nhận và ông P biết việc bà H làm đơn khởi kiện đến Tòa án đề nghị cho bà được ly hôn ông P nhưng ông Đỗ Văn P vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng vì

vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử xét thấy đơn xin xét xử vắng mặt của bà Nguyễn Thị H đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Văn P đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 10 năm 1991 tại UBND xã L, huyện T (nay là thị trấn T, huyện T), tỉnh P. Khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ai ép buộc. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông P là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xét thấy bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Văn P cuộc sống chung vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bà H trình bày ông P có mối quan hệ với người khác và có con riêng, không quan tâm đến vợ con, bỏ bê gia đình, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 là do ông P đi tù, từ đó vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ không ai còn quan tâm đến ai. Tòa án xác minh tại nơi cư trú và tại UBND thị trấn nơi bà H và ông P sinh sống thì tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông P là phù hợp với trình bày của bà H và hiện nay bà và ông P đã sống ly thân từ nhiều năm nay. Quá trình giải quyết ông P không đến Tòa án làm việc đã gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông P là mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đúng theo hướng dẫn tại điểm a khoản 3 điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ – HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân gia đình. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc xin ly hôn ông Đỗ Văn P là có căn cứ, đúng thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Đỗ Văn P.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Văn P có 02 con chung là:

1. Cháu Đỗ Thanh T, sinh ngày 02-8-1992
2. Cháu Đỗ Thị Như Q, sinh ngày 22-10-1994

Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành. Tòa án không giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo Bản án.

[2.6] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc xin ly hôn ông Đỗ Văn P. Xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Đỗ Văn P.

2. Về con chung: Hai con chung của bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Văn P là Đỗ Thanh T, sinh ngày 02-8-1992 và Đỗ Thị Như Q, sinh ngày 22-10-1994. Điều đã trưởng thành, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003773 ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Thủy;
- Chi cục THADS huyện Thanh Thủy;
- UBND thị trấn T, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương Thủy

